

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v ly hôn giữa

Anh Đ và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn.

Ông Lương Thanh Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Quang Đ, sinh năm 1987 (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1990 (có mặt).

Đều trú quán: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Tạ Thị N – sinh năm 1963 (có mặt).

Trú quán: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn H 2, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thân Thị L – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Gia U – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 26/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Trần Quang Đ trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị H có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2008 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, trước khi cưới hai bên có được tìm hiểu và kết hôn tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung với gia đình bố mẹ anh được 03 tháng thì dọn ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng tính tình không hợp, chị H không chăm lo gì cho đời sống gia đình. Vì thế vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xô xát. Đến tháng 12/2016, chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên đã nhiều lần hoà giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Trần Thu H2 – sinh ngày 18/8/2009, cháu Trần Lan H3 – sinh ngày 11/9/2011 và cháu Trần Quang Đ2 – sinh ngày 30/5/2014. Hiện nay cháu H2 đang ở với chị H, cháu H3 và cháu Đ2 đang ở với anh, cuộc sống phát triển bình thường, không cháu nào bị bệnh tật gì. Nay vợ chồng ly hôn, anh đề nghị giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H3 và cháu Đ2 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang làm xây dựng tại địa phương, thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng và anh cũng có chỗ ở ổn định là đất anh và nhà mang tên anh là tài sản anh được tặng cho từ ông bà nội của anh, anh có đủ điều kiện để đảm bảo cho sự phát triển và đời sống của các cháu.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung: Vợ chồng không có tài sản chung; không có ruộng canh tác chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng, vợ chồng có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền 50 triệu đồng. Cụ thể như sau: Thời điểm vay là ngày 24/9/2016, thời hạn trả là 24/9/2019, lãi suất 0,55% / tháng. Mục đích vay là để vợ chồng lấy tiền làm vốn chăn nuôi, phục vụ cho cuộc sống chung của vợ chồng. Tuy nhiên trên thực tế thì vợ chồng chỉ vay 30 triệu đồng để làm vốn chăn nuôi còn 20 triệu đồng thì vợ chồng đã cho bà Tạ Thị N là mẹ đẻ của anh vay lại. Nay vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án chia đôi số tiền nợ 30

triệu đồng theo quy định pháp luật và buộc bà N có trách nhiệm trả số tiền 20 triệu đồng cho Ngân hàng.

Tại phiên toà, anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị H như đơn khởi kiện.

Phía bị đơn là chị Đỗ Thị H tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên toà trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị xác định lời trình bày của anh Đ về thời gian, hoàn cảnh, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là đúng. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn với chị, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là khó. Vì vậy, chị đồng ý ly hôn và nhất trí ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị xác định lời trình bày của anh Đ về con chung của vợ chồng. Nay vợ chồng ly hôn, chị cũng đề nghị Tòa án giao cháu H3 và cháu Đ2 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu H2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang làm công nhân may tại Công ty C, thu nhập hàng tháng là 08 triệu đồng, đủ đảm bảo cho sự phát triển của con chung.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, ruộng canh tác chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị xác nhận lời trình bày của anh Đ về số tiền vay, thời điểm vay, lãi suất, mục đích vay cũng như việc vợ chồng cho bà N vay lại 20 triệu đồng trong tổng số tiền 50 triệu đồng vay của ngân hàng là đúng. Nay vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án chia đôi số tiền nợ 30 triệu theo quy định pháp luật và buộc bà N có trách nhiệm trả số tiền 20 triệu cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

*** Bà Tạ Thị N trình bày:** Bà là mẹ đẻ của anh Đ. Bà xác định gia đình đã tổ chức lễ cưới cho anh Đ chị H theo phong tục truyền thống. Trước khi cưới anh chị có được tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã H theo đúng quy định pháp luật. Vợ chồng anh Đ chị H chung sống hạnh phúc được 08 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, bà xác định là do vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống chung nhiều lần xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Đến tháng 12/2016, chị H đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh Đ xin ly hôn chị H và chị H cũng nhất trí ly hôn, bà xác định đây là việc riêng của anh chị, bà không có ý kiến gì.

Bà cũng xác định trong quá trình vợ chồng chung sống thì anh Đ chị H có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền 50 triệu đồng, trong số tiền đó có 20 triệu đồng là anh Đ chị H vay và đã cho bà vay lại như lời trình bày của anh chị là đúng. Nay vợ chồng anh Đ chị H ly hôn, bà đồng ý có trách nhiệm

trả cho anh Đ và chị H số tiền bà đã vay của anh chị nhưng do điều kiện của bà hiện nay chưa có nên bà đề nghị anh Đ và chị H cho bà được trả dần.

*** Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V là ông Ngô Gia Ư trình bày:** Ngày 24/9/2016, Ngân hàng có cho chị H và chồng là anh Đ vay 50 triệu đồng, mục đích vay là để nuôi bò và lợn cái, lãi suất 0.55 % / tháng, hạn trả nợ vào ngày 24/9/2019. Trong quá trình vay tiền, chị H đã chấp hành đầy đủ theo quy định của ngân hàng. Nay vợ chồng anh chị ly hôn, ông đề nghị Toà án giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng anh Đ chị H theo quy định pháp luật.

Cháu Trần Thu H2 – sinh ngày 18/8/2009 là con chung của anh Đ và chị H trình bày: Nay bố mẹ ly hôn, cháu không có ý kiến gì và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật và đề nghị Tòa án cho ly hôn giữa anh Đ chị H. Về con chung: giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H3 và cháu Đ2 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Về công nợ chung: xác nhận vợ chồng anh Đ và chị H có nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Yên số tiền là: 50 triệu đồng và cho bà Tạ Thị N vay 20 triệu đồng. Nay vợ chồng ly hôn để thuận tiện cho việc trả nợ của các bên cần buộc anh Đ trả ngân hàng chính sách huyện Việt Yên 35 triệu đồng và anh Đ được nhận lại 20 triệu đồng do bà Tạ Thị N trả nợ cho anh, chị H phải trả cho ngân hàng chính sách huyện V 15 triệu đồng là phù hợp. Do hộ anh Đ và chị H là hộ nghèo nên cần áp dụng Điều 12 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để không buộc anh Đ và chị H phải chịu án phí sơ thẩm là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng dân sự:** Anh Trần Quang Đ có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Việt Yên giải quyết việc hôn nhân của chị và chị Đỗ Thị H. Theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đ và chị H có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, trong cuộc sống thường xuyên bất đồng quan điểm nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xích mích. Vợ

chồng sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên đã nhiều lần hoà giải cho vợ chồng nhưng không thành.

Phía nguyên đơn là anh Đ từ khi Toà án thụ lý vụ án đã nhiều lần hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng tại các phiên hoà giải và tại phiên toà, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Phía bị đơn là chị H tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên toà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và cũng nhất trí ly hôn với anh Đ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX xét thấy, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị H là đúng theo quy định của pháp luật.

*** Về con chung:** Vợ chồng đều xác định có ba con chung là cháu Trần Thu H2 – sinh ngày 18/8/2009, cháu Trần Lan H3 – sinh ngày 11/9/2011 và cháu Trần Quang Đ2 – sinh ngày 30/5/2014. Nay vợ chồng ly hôn, vợ chồng cùng thoả thuận đề nghị Toà án giữ nguyên tình trạng con chung như hiện nay là giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H3 và cháu Đ2 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Việc anh Đ và chị H đều không yêu cầu bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con chung với bên nào và yêu cầu HĐXX công nhận thoả thuận này của anh chị. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên công nhận việc thoả thuận này của anh Đ và chị H là có căn cứ.

*** Về tài sản chung, ruộng canh tác chung:** Vợ chồng đều xác định không có tài sản chung, ruộng canh tác chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án này.

*** Về công nợ chung:** Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh Đ chị H cùng xác định có khoản nợ chung đối với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền là 50 triệu đồng. Nay vợ chồng ly hôn, anh Đ, chị H đề nghị Tòa án chia đôi số nợ mà vợ chồng đã dùng là 30 triệu đồng còn số tiền 20 triệu đồng do bà N vay của anh chị thì bà N phải có trách nhiệm trả theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, khi hộ của anh Đ và chị H vay tiền của Ngân hàng Chính sách thì anh Đ và chị H được vay theo diện hộ nghèo và khi vay thì anh Đ và chị H có kê khai là vay để chăn nuôi. Nay anh Đ và chị H ly hôn thì khoản nợ này phải được chia đôi cho anh chị là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, anh Đ hiện nay có chỗ ở ổn định và thu nhập cũng ổn định hơn chị H. Hơn nữa, để đảm bảo cho việc trả nợ giữa bà N đối với số nợ của vợ chồng thì cần giao cho anh Đ phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách huyện Việt Yên số tiền là 35.000.000đồng và giao cho chị H có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách huyện V số tiền là 15.000.000đồng là phù hợp với tình hình thực tế và thuận lợi cho việc trả nợ cho các bên là có căn cứ. Đồng thời, anh Đ được nhận lại số tiền 20.000.000đồng do bà N trả cho anh.

*** Về án phí:** Hộ anh Đ, chị H thuộc hộ nghèo nên theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Đ, chị H

thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí nên anh Đ, chị H không phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Chính sách huyện Việt Yên do ông Ngô Gia Ưng làm đại diện theo ủy quyền không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 35; 147; 227; 246; 247; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

*** Về quan hệ vợ chồng:** Công nhận việc thuận tình ly giữa anh Trần Quang Đ và chị Đỗ Thị Huyền.

*** Về con chung:** Công nhận sự thỏa thuận về con chung của anh Đ và chị H là giao cháu Trần Thu H2 - sinh ngày 18/8/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Lan H3 - sinh ngày 11/9/2011 và cháu Trần Quang Đ2 – sinh ngày 30/5/2014 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ và chị H cùng thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ và chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

*** Về công nợ:** Anh Đ phải trả cho Ngân hàng chính sách huyện V số tiền là 35.000.000đồng nhưng anh Đ được nhận lại số tiền 20.000.000đồng do bà N trả cho anh. Chị H phải trả cho Ngân hàng chính sách huyện Việt Yên số tiền là 15.000.000đồng.

*** Án phí:** Anh Trần Quang Đ không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả anh Đ 300.000 đồng anh Đ đã nộp án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu số AA/2012/04528 ngày 05 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Anh Đ và chị H không phải chịu án phí về công nợ.

Hoàn trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Việt Yên do ông Ngô Gia Ư làm đại diện theo ủy quyền 1.250.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số AA/2012/04661 ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND t. Bắc Giang;
- VKSND h. Việt Yên;
- THADS;
- UBND x. H, h. V;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Hương Lan